

Giá trị đích thực sử liệu trong văn bản Nôm

Nguyễn Tá Nhí

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm

Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004

Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Lâu nay khi đề cập đến vấn đề tư liệu lịch sử của nước Việt Nam ta ghi bằng loại chữ khối vuông, người ta chỉ tập trung sự chú ý vào những pho sử đồ sộ ghi bằng chữ Hán. Đó là những tài liệu hoặc do cơ quan chuyên viết sử của triều đình phong kiến biên soạn, hoặc do các sử gia có tâm huyết với lịch sử đất nước viết ra. Từ sau cách mạng tháng Tám, nhất là trong vòng mấy chục năm lại đây, các nhà nghiên cứu lịch sử đã có được tầm nhìn rộng lớn hơn, đúng đắn hơn trong việc sử dụng tư liệu lịch sử. Tư liệu lịch sử bằng chữ viết cần được khai thác để đánh giá đúng về lịch sử phát triển của dân tộc, đã được mở rộng ra cả các loại sách: Địa chí, Hương ước, Thần phả, Gia phả, Bằng sắc, những bản công văn hành chính, những tài liệu khoa học kỹ thuật... Song những tài liệu mới được chú ý tới này hầu hết chỉ là những tư liệu được viết bằng chữ Hán. Trong thời gian gần đây những tài liệu do Viện Sử học cho dịch để tham khảo như các bộ sử, địa bạ, hương ước đều là những văn bản chữ Hán, còn các văn bản Nôm chỉ thấy ở Viện Văn học cho dịch. Dường như người ta có ấn tượng rằng số văn bản Nôm còn lại ít ỏi đó chỉ có thể khai thác tư liệu về mặt văn học, nhất là văn học dân gian mà thôi. Đúng là số lượng văn bản Nôm ít hơn nhiều lần so với văn bản chữ Hán, song có phải vì thế mà nó không thể cung cấp cho bộ môn nghiên cứu lịch sử những tư liệu cần thiết cho việc tìm hiểu lịch sử dân tộc về các mặt: đấu tranh giải phóng dân tộc, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, văn hóa hay không?

Chúng ta đều có thể dễ dàng thống nhất với nhau rằng việc ghi lại những tâm tư tình cảm, những nhận thức về thế giới khách quan của con người bằng tiếng mẹ đẻ thường là đầy đủ chuẩn xác hơn bằng tiếng nước ngoài. Nhìn vào các văn bản Nôm, ở một chừng mực nào đó chúng ta cũng có thể thể nghiệm được điều đó. Chẳng hạn như sự thất bại thảm hại của hai mươi vạn quân xâm lược nhà Thanh hồi cuối thế kỷ XVIII được nhiều bộ sử của ta và cả của nhà Thanh ghi lại khá đầy đủ, thế nhưng trong bài *Thiên triều văn* viết bằng lối ca lục bát vẫn có được một ý vị riêng biệt mà ở các bộ sử chữ Hán không có. Bằng giọng văn cầu hồn ai oán thống thiết, tác giả miêu tả rất đầy đủ về cái chết của bọn giặc cướp:

*Thương thay hỡi các chú ơi
Ăn uống no rồi ta kể một vắn.
Quý Tỵ giữa ngày mồng năm
Giờ Dần chính nguyệt âm âm huyên hoa.
Một chi đánh ở Đống Đa,
Cầu Duệ kéo đến tốt xa muôn phần.
Phép voi bại trận tiên phong
Cầu Tương sụt cả xuống sông Bô Đề.
Đạo binh tử trận đầy khe
Đọc đường gài gác nằm kê năn năn.*

Chú sang cứu viện nước Nam
Chẳng may gặp phải suối vàng thương thay.
Chú thì thắt cổ trên cây
Chú thì tự vẫn ở ngay trong nhà.
Chú thì thác xuống Diêm La
Chú thì còn sống về nhà Đại Minh.
Ai ai là chẳng đeo tình
Di Đà tiếp dẫn chúng sinh cô hồn.
Chú nào có vợ có con
Có cha có mẹ hãy còn giỗ chung.
Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông,
Nam Kinh, Quảng Bắc có lòng sang đây...

Văn bản Nôm còn ghi được khá chính xác tên gọi các loài vật, tên đồ dùng vật dụng, tên sông, tên núi, tên người, tên địa phương... Vì vậy nó có thể giúp chúng ta tìm hiểu về phong tục tập quán, về trình độ sản xuất của nhân dân ta trong quá khứ. Ví dụ tìm hiểu các giống lúa trồng cây ở nước ta trong mấy thế kỷ trước, nếu bằng vào các tài liệu chữ Hán chúng ta có thể nhận biết tên gọi đích thực mà người dân quê thường dùng của các giống lúa ấy, thế nhưng riêng **Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa** đã cho chúng ta biết được hàng chục giống lúa nếp tẻ khác nhau trồng cây ở lưu vực sông Hồng thời Lê:

Hòa cốc trăm giống kẻ bầy
Thiên hạ bảo vật ta rày dưỡng thân.
Cùng thì hưởng lộc thiên ân
Mỹ túc nếp mờ bội phần dẻo lên.
Đương túc nếp quảng tốt nên
Ác thủ nếp ác màu đen tựa trầm.
Mãn túc nếp vang đỏ hâm
Hương đạo thực ấy nếp hương dẻo dầy.
Bạch đạo nếp trắng dây dầy
Hảm vang Xích đồ muện thay hội mùa.
Lương canh lúa tám thơm tho
Lai mạch lúa sớm rủ câu đen vàng.
Lục mạch chín trước tung bùng
Hoàng vân lúa hồ thức vàng tựa mây.
Đồng chí lúa chiêm muện thay
Đại mạch lâu chày lúa chín tháng năm.

Về mặt ghi chép những truyền thuyết lịch sử thì các văn bản Nôm phần nào tỏ đầy đủ tỉ mỉ hơn. Nhiều mẩu chuyện, nhiều tình tiết trong chính sử, nhất là những tài liệu chữ Nôm lại được ghi lại rất sống động, thể hiện sức sáng tạo của quần chúng. Chẳng hạn nhân vật Dương Tự Minh trong **Đại Việt sử ký toàn thư** chép rất sơ sài: “Đình Mùi, Thiên Phù Khánh Thọ năm thứ 11... tháng 12... đem công chúa Diên Bình gả cho thủ lĩnh Phú Lương là Dương Tự Minh...”, phần dưới nói thêm việc Dương Tự Minh tham gia vào việc lật đổ quyền thần Đỗ Anh Vũ, việc không thành Dương bị đày đi nơi xa. Thế nhưng trong sách **Việt sử diễn âm**, nhân vật Dương Tự Minh lại xuất hiện với một thân phận khác hẳn. Dương vốn con nhà nghèo làm nghề kiếm cá nuôi mẹ. Một lần Dương đến trú ở chiếc cầu đồ, có con yêu ma đến nhờ Dương dạy chữ và tặng cho chiếc áo. Dương mặc áo đi về nhà, mẹ Dương không nhìn thấy.

Khi cởi áo ra thì bà mẹ mới nhìn thấy ông. Biết áo có phép lạ, Dương nảy ra ý định mặc áo đi ăn cắp của trong kho nhà vua. Sau bị bắt, Dương xin đi đánh giặc Tống chuộc tội. Xin dẫn một đoạn Dương mặc áo ma vào kho nhà vua:

*Tự Minh ra dạ chẳng ngay,
Liền vào ăn trộm của nầy nội đền.
Giữ kho túc trực bốn bên
Tự Minh trộm được ai nào biết hay.
Rạng ngày quan kho tâu bày
“Rằng thặng ăn trộm đêm này kho vua”.
Cửa kho khóa kín bo bo
Cửa thì đã mất khôn lo sự nào.
Anh Tông mới hỏi thấp cao:
“Chúng bay có thấy sự nào lạ chẳng”?
Quan kho mới tâu lại rằng:
“Thấy có cái bướm thung thặng ra vào”.
Vua liền phán bảo: “Đêm sau
Dầu thấy nó vào lấy lưới ra vây”.
Đêm ấy vắng vẻ canh chầy
Liền thấy cái bướm lại bay vào thành.
Quân liền lấy lưới vây quanh
Áo ma mắc lưới khôn mình ra đi.
Quân liền bắt được đem về
Lột ra mới thấy tên là Tự Minh...*

Một vài ý kiến đánh giá nhận xét như trên, phần nào đã đề cập tới giá trị của các tư liệu lịch sử có trong các văn bản Nôm. Thật vậy, tuy nói rằng ít ỏi về số lượng nhưng những tư liệu hiếm hoi quý giá ấy vẫn có thể bổ sung, minh xác thêm cho những tài liệu chữ Hán. Để làm sáng tỏ thêm vấn đề này chúng ta hãy tìm hiểu phân tích thêm những văn bản Nôm hiện lưu giữ trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Cũng giống như văn bản chữ Hán, văn bản Nôm bao gồm các thể loại như sau:

1. Sách chữ Nôm

Như phần trên đã đề cập tới, số sách Nôm hiện có ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ở các thư viện lớn của các Viện nghiên cứu và một số Trường đại học, Sở văn hóa và trong dân gian ít hơn nhiều so với sách chữ Hán. Theo số liệu điều tra của một số nhà nghiên cứu đã công bố trên sách báo, số sách Nôm ở riêng Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm có khoảng 1.500 cuốn.

Nếu dựa vào đặc điểm tỉ lệ số lượng chữ Nôm trong văn bản mà phân chia, thì trong số 1.500 cuốn sách Nôm đó có 500 cuốn sách thuần Nôm, nghĩa là gồm những tác phẩm hoàn toàn ghi bằng chữ Nôm hoặc chữ Nôm chiếm phần chủ yếu, số còn lại là những sách vừa Nôm vừa Hán mà phần Nôm chỉ là thứ yếu, trong đó có 150 cuốn dịch từ Hán sang Nôm.

Nếu dựa vào nội dung tác phẩm phản ánh, giống như cách phân chia của Thư mục Hán Nôm do Thư viện Khoa học xã hội biên soạn trước đây, thì những sách Nôm có chứa tư liệu lịch sử (gồm cả sách Địa chí, Gia phả, Hương ước, Địa bạ...) chỉ có 324 cuốn.

Theo quan niệm mới về tư liệu lịch sử bằng chữ viết, số sách Nôm này có thể phân ra thành mấy loại:

1.1. Tài liệu chính sử

Về các bộ sử ghi theo lối ký truyện hoặc biên niên bằng chữ Nôm trước kia hầu như không có, mãi đến đầu đời Nguyễn mới thấy xuất hiện, song cũng chỉ là những sách tóm lược hoặc bổ sung từng phần vào lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán có trước đó, ví dụ: *Sử nam chí dị*, *Việt Nam sử ký quốc ngữ*, *Việt Nam sử lược bổ di*... Hoặc một số sách dịch từ nguyên bản chữ Hán, như: *Việt Nam khai quốc chí diễn âm*, *Đại Nam hội diễn sự lệ quốc âm*, *Quốc triều sử diễn âm*...

1.2. Diễn ca lịch sử

Gồm những tác phẩm diễn nôm viết theo thể văn vần, chủ yếu là lục bát và song thất lục bát. Tuy rằng sử dụng các tư liệu của chính sử, song *Diễn ca lịch sử* có được một bút pháp riêng về việc ghi chép các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử, đặc biệt là đã mạnh dạn thu nhặt những tư liệu dã sử, những truyền thuyết dân gian. Những sử liệu lấy từ dã sử này không chỉ đơn thuần bổ sung cho chính sử, mà đôi khi còn đối lập hẳn với chính sử. Có loại dựa vào bộ sử biên niên diễn ca toàn bộ lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước cho đến thời đại của tác giả, như *Thiên Nam quốc ngữ thực lục*, *Việt sử diễn âm*, *Đại Nam quốc sử diễn ca*... Có loại chỉ viết về một triều đại hoặc một vài nhân vật lịch sử tiêu biểu, như *Mạc sử diễn âm*, *Lê Thái Tổ lịch sử ca*...

1.3. Hương ước, khoán ước

Hương ước, khoán ước là loại sách ghi chép các quy định ước lệ chung về nếp sống sinh hoạt ở hương thôn như nghi thức tế lễ, ma chay, hội hè, đình đám, bầu lý trưởng, bán ruộng... Do ghi chép bằng chữ Nôm nên nhiều phong tục tập quán, điều kiện sinh hoạt của cộng đồng người Việt trong các làng xã được phản ánh một cách đầy đủ chính xác hơn, ví dụ như: *Vân Trục tổng các xã thôn hương ước*, *Văn khoán ước cúng lễ hội đàn của xã Phù Lễ*, *Đông Trù kê hương ước*, *Hương ước các làng*...

1.4. Sách từ vựng dạy học

Loại sách từ vựng tiêu phẩm có thể coi là những bộ tự điển hai thứ tiếng đầu tiên của nước ta, từ điển Hán Việt. Các từ Hán được giải thích ra tiếng Việt và sắp xếp theo các chủ đề: Thiên văn, Địa lý, Nhân luân, Thân thể, Tôn giáo, Canh nông, Khí cụ... Những chủ đề này đã đề cập đến mọi mặt sinh hoạt của xã hội, từ những công việc hàng ngày trong sản xuất, trong đời sống của nhân dân lao động cho đến các việc chính sự trong triều đình, trong cung cấm, ví dụ: *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, *Đại Nam quốc ngữ*, *Nhật dụng thường đàm*, *Tự loại diễn nghĩa*,...

1.5. Sách y học

Số sách y học cũng có thể chia làm hai loại nhỏ. Một loại là sách dịch từ nguyên bản chữ Hán, như *Hồng nghĩa giác tư y thư*, *Bảo thai thân hiệu toàn thư quốc âm*, *Thực vật bản thảo*... Một loại chiếm số lượng lớn hơn là những bài thuốc, những cách chữa bệnh rút ra từ kinh nghiệm thực tế viết lại dưới dạng văn vần, như: *Gia truyền thiên kim quốc ngữ*, *Chứng tử bảo thai quốc âm*, *Chẩn đạu gia truyền quốc âm*...

1.6. Văn Nôm biên ngẫu như: Hịch, dụ, cần khải, văn tế, văn chiêu hồn

Loại tài liệu này thường là gắn với một sự kiện lịch sử cụ thể và nằm rải rác trong văn bản chữ Hán, ví dụ Bài khải của Nguyễn Lệnh Danh dâng lên chúa Trịnh nói về cuộc đấu tranh ngoại giao quyết liệt giữa triều đình Lê Trịnh và sứ thần nhà Thanh; Bài ***Biểu dụ quân dân hai xứ Thuận Quảng*** của Hoàng Ngũ Phúc kể về việc triều đình Lê Trịnh huy động sức người sức của ở xứ Thuận Quảng phục vụ cho cuộc chinh phạt chúa Nguyễn hồi đó...

1.7. Sách quân sự

Về mặt quân sự, tài liệu trong sách Nôm chủ yếu đề cập đến phương án tác chiến, như cách đánh địch ở đồng bằng, ở miền núi cao, ở miền đầm lầy, hoặc cách công phá đồn lũy, cách đánh quân cứu viện và thường được trình bày dưới dạng “trả lời câu hỏi”, ví dụ: ***Thảo tặc vấn đối quốc âm luận, Gia truyền giải âm tổng yếu, Vũ nghệ quốc ngữ ca...***

1.8. Kinh Phật

Số sách Nôm ghi chép về đạo Phật chiếm gần một phần tư số sách Nôm hiện còn, nhiều cuốn có niên đại rất sớm. Phải thừa nhận rằng những chứng tích xưa nhất về chữ Nôm mà ngày nay ta có được phần lớn nằm trong các sách ghi chép về đạo Phật. Đặc điểm này khiến nó không chỉ cung cấp cho các nhà nghiên cứu những tư liệu quý giá để nghiên cứu đạo Phật ở Việt Nam, nghiên cứu nguồn gốc cấu tạo và diễn biến của chữ Nôm, mà còn cung cấp nhiều tư liệu có giá trị khác. Ví dụ, vấn đề tên nước Việt Nam có tự bao giờ? Nhiều tài liệu chữ Hán đều khẳng định có từ đời Nguyễn (1802-1945), nhưng trong sách Nôm Phật giáo lại thấy có xuất hiện sớm hơn. Hòa thượng Chân Nguyên Tuệ Đăng, một vị Thiền sư có danh tiếng trong phái Trúc Lâm sống ở đầu thế kỷ 18, đã hai lần nói đến tên nước Việt Nam trong tác phẩm của mình, là ***Nam hải quan âm bản hạnh ngữ lục***:

Việt Nam Yên Tử Quỳnh Lâm,

Sát tiêu cực lạc cổ âm những là.

Và ***Trần triều Thiền tông bản hạnh truyền tâm quốc ngữ hạnh***:

Việt Nam thắng cảnh Hoa Yên

Sát tiêu cực lạc tây thiên những là.

2. Văn Bìa

Bìa chữ Nôm không nhiều, song rải rác các đời Lê, Nguyễn đời nào cũng có. Ngoài một số bìa ghi lại trọn vẹn một bài thơ Nôm của một danh nhân nào đó, còn thấy có một số bìa ghi chép hương ước, lệ làng, việc thờ cúng thần Phật, như ***Cao Mại bi, Lâm Tế chính phái...*** Đáng lưu ý hơn nữa là khá nhiều văn bìa đã dùng chữ Nôm để ghi tên núi, tên sông, tên xứ đồng có liên quan mật thiết với những chiến công chống ngoại xâm hiển hách, hay một sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ.

3. Bằng sắc

Bằng sắc bằng chữ Nôm do triều đình phong kiến ban cho các quan lại địa phương cũng còn lại khá nhiều. Có dòng họ vẫn cất giữ gần như nguyên vẹn hàng chục tấm sắc phong. Gần đây các nhà nghiên cứu văn hoá lịch sử đã phát hiện được tại dòng họ quan lang ở Phủ Quỳnh, Nghệ An có hòm đựng gia bảo, trong đó có hơn mười sắc phong bằng chữ Nôm thời Tây Sơn. Một vài chuyến đi công tác của anh em khác về Chương Mỹ, Hà Tây; Gia Lương, Bắc Ninh cũng thu được kết quả tương tự...

Ngoài số sách Nôm, bia chữ Nôm, bằng sắc Nôm còn có câu đối ở đền miếu và gia đình, ván khắc in, tranh vẽ dân gian có chua chữ Nôm cũng là những văn bản Nôm có chứa đựng nhiều tư liệu lịch sử.

Thành tựu nghiên cứu của ngành khảo cổ, văn hóa dân gian trong những năm gần đây phát hiện từ trong lòng đất, tìm thấy từ trong dân gian nhiều tư liệu quý giá cung cấp cho bộ môn sử học. Mong rằng ngành thư tịch học, nhất là những người nghiên cứu văn bản Nôm trong những năm tới đây cũng cố gắng tìm tòi nghiên cứu khai thác những tư liệu lịch sử quý giá hiện đang tiềm tàng trong các văn bản Nôm của nước ta, nghĩa là ở một chừng mực nào đó cũng cung cấp cho bộ môn sử học những tư liệu thực sự cần thiết.

Tài liệu tham khảo

1. *Cúng khoa văn tạp lục*, Sách ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1948.
2. *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, ký hiệu AB.372.
3. *Việt sử diễn âm*, ký hiệu AB.108.
4. *Nam Hải quan âm bản hạnh ngữ lục*
5. *Thiền tông bản hạnh*
6. *Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu*, Nxb khoa học xã hội, 1993.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, 1993.
8. Đào Duy Anh, *Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến*, Nxb Khoa học xã hội, 1976.
9. Kiều Thu Hoạch, Báo cáo điều tra về sách Nôm và tình hình khai thác văn bản Nôm từ trước cách mạng tháng Tám đến nay, **Thư tịch cổ, nhiệm vụ mới**, Nxb Khoa học xã hội, 1980.

